

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Cơ khí - Động lực; Chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Văn Trang

2. Ngày tháng năm sinh: 05/09/1987; Nam ; Nữ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Nhã Lộng, Phú Bình, Thái Nguyên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 05, Tổ 05, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Nguyễn Văn Trang, Khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0355192838; E-mail: nvtrang@tnut.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/2010 đến nay: Giảng viên, Khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Chức vụ Hiện nay: Giảng viên chính, Khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
- Đại học Thái Nguyên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên chính

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên

Địa chỉ cơ quan: Số 666, Đường 3/2, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại cơ quan: 02083 847551

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 06 năm 2010; số văn bằng: ĐĐ0032707; ngành: Cơ khí, chuyên ngành: Chế tạo máy; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH ngày 21 tháng 01 năm 2021; số văn bằng: DT/CN/00849; ngành: Ngôn ngữ anh, chuyên ngành: Ngôn ngữ anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 16 tháng 03 năm 2015; số văn bằng: M001408; ngành: Cơ khí; chuyên ngành: Cơ học kỹ thuật; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 19 tháng 04 năm 2019; số văn bằng: D000522; ngành: Cơ khí; chuyên ngành: Cơ học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm....., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Thái Nguyên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Cơ khí-Động lực

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Ứng dụng vật liệu nano trong kỹ thuật cơ khí;
- Tối ưu hóa thiết kế và gia công cơ khí.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 05 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 38 bài báo trong nước và quốc tế (27 bài báo trong các tạp chí/hội nghị quốc tế uy tín); Sau tiến sĩ có 07 bài báo ISI/Scopus là tác giả chính (01 ISI Q1, IF=3.6; 01 ISI Q2, IF=2.5; 02 Scopus Q2; 03 Scopus Q3) và 08 báo cáo khoa học Scopus là tác giả chính;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01 sách chuyên khảo thuộc nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật với vai trò là chủ biên;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở các năm học: 2012 – 2013, 2013-2014;
- Giấy khen của Giám đốc Đại học Thái Nguyên đã có thành tích xuất sắc trong công bố các bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín năm học 2017 - 2018.
- Lao động tiên tiến các năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022-2023.
- Giấy khen Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp năm học 2023-2024.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên làm việc tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên từ 10/2010 đến nay. Với thâm niên công tác là 14 năm 8 tháng, bản thân ứng viên tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo cụ thể như sau:

➤ Về tiêu chuẩn:

- Bản thân luôn có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tuân thủ các quy chế, quy định của Nhà trường và quy định của pháp luật liên quan đến nhà giáo.

- Có đủ tiêu chuẩn của một nhà giáo theo quy định của Luật giáo dục như: phẩm chất đạo đức tốt, lối sống chân thành, đúng mực với bạn bè đồng nghiệp, luôn có ý thức tiếp thu để hoàn thiện bản thân; đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

- Ứng viên tự đánh giá có đủ các tiêu chuẩn trong điều 4 và điều 6 của chức danh Phó giáo sư như: thời gian làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên là 14 năm 8 tháng tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp; là tác giả chính của 07 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín ISI/ Scopus; chủ trì 05 đề tài cấp cơ sở; hướng dẫn thành công 01 thạc sĩ.

➤ Về nhiệm vụ:

Là một giảng viên đại học, ứng viên luôn ý thức được nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Luôn giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của Nhà trường, có ý thức trong việc giảng dạy để đạt được chất lượng tốt nhất và truyền cảm hứng học tập cho sinh viên.

- Không ngừng học tập nâng cao trình độ và cập nhật kiến thức mới trong giảng dạy.

- Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Khối lượng giảng dạy và NCKH vượt định mức theo số giờ chuẩn quy định.

- Về nghiên cứu khoa học: cho đến nay ứng viên đã công bố 38 bài báo trong nước và quốc tế (27 bài báo trong các tạp chí, hội nghị quốc tế uy tín); Sau tiến sĩ có 07 bài báo tạp chí ISI/Scopus là tác giả chính (01 ISI Q1, IF=3.6; 01 ISI Q2, IF=2.5; 02 Scopus Q2; 03 Scopus Q3) và 08 báo cáo khoa học Scopus là tác giả chính; chủ trì 05 đề tài cấp cơ sở. Ngoài ra, ứng viên còn tham gia phản biện cho tạp chí quốc tế uy tín “WSEAS Transactions on Applied and Theoretical Mechanics”.

- Về ngoại ngữ: ứng viên đạt 500 TOEFL ITP; đã học và được cấp bằng đại học ngành ngôn ngữ anh. Do đó, ứng viên đáp ứng được trình độ ngoại ngữ trong công việc và nghiên cứu.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 14 năm 8 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019					240		240/418/270
2	2019-2020					225		225/371/270

3	2020-2021					195		195/340/270
4	2021-2022					210		210/382/290
03 năm học cuối								
5	2022-2023					165		165/363/290
6	2023-2024			01		148		148/341/290
7	2024-2025					210		210/345/290

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

- Trường ĐH Thái Nguyên cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Ngôn ngữ anh số bằng: DT/CN/00849; năm cấp: 2021.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- 500 TOEFL ITP;

- Bằng đại học ngành ngôn ngữ anh.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS/CK2/B SNT	HVCH SNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		x	x		Tháng 10/2023 đến tháng 4/2024	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp- Đại học Thái Nguyên	Cấp bằng, ngày 19/05/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Ứng xử cơ học của ống nano photpho đen	CK	Khoa học và Kỹ thuật	01	x	01-94	ISBN 9786046716235 Năm 2020

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 01 sách chuyên khảo [1].

Lưu ý:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang.....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	ĐT: Mô phỏng ứng xử cơ học của một số kết cấu na nô có cấu trúc tương tự graphene	CN	Mã số: T2016-05 ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	04/2016 – 04/2017	Nghiệm thu ngày 07/09/2017 Xếp loại: tốt
2	ĐT: Cơ tính của tấm và ống nano	CN	Mã số: T2017-B01 ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	10/2017 – 10/2018	Nghiệm thu ngày 22/10/2019 Xếp loại: xuất sắc
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
3	ĐT: Nghiên cứu cơ tính của ống nano phốt pho đen bằng phương pháp phân tử hữu hạn nguyên tử	CN	Mã số: T2022-ĐH12 ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	04/2022 - 04/2023	Nghiệm thu ngày 31/03/2023 Xếp loại: xuất sắc
4	ĐT: Ảnh hưởng của các thông số thiết kế đến giá thành hệ dẫn động cơ khí dùng HGT BR trụ nhiều cấp	CN	Mã số: T2022-B16 ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	04/2022 đến 04/2023	Nghiệm thu ngày 04/04/2024 Xếp loại: xuất sắc
5	ĐT: Ứng dụng phương pháp SAW để giải bài toán tối ưu đa mục tiêu cho hộp giảm tốc cấp chậm phân đôi	CN	Mã số: T2024-TS09 ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	09/2024 đến 09/2025	Nghiệm thu ngày 08/05/2025 Xếp loại: xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1.	Nghiên cứu thiết kế bộ thí nghiệm đo độ bền mỏi sử dụng vật liệu thép các bon và composite	4		Tạp chí Cơ khí Việt Nam ISSN: 2615-9910 (0866-7056)	Tạp chí trong nước		Số 10, pp. 72-76	2013
2.	Natural frequency of fluid-filled laminated composite cylindrical shells on elastic foundations	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ ĐH Thái Nguyên ISSN: 1859-2171	Tạp chí trong nước		Số 9, pp. 115-119	2015
3.	The Buckling Behavior of Boron Nitride Nanotubes under Bending: An Atomistic Study	1	x	Journal of Environmental Science and Engineering A ISSN: 2162-5298 doi:10.17265/2162-5298/2017.06.004	Tạp chí quốc tế khác		Vol. 6, pp. 308–312	2017

4.	Effects of various defects on the mechanical properties of black phosphorene	4		Superlattices and Microstructures ISSN: 0749-6036 doi:10.1016/j.spmi.2017.09.021	ISI IF: 3.027 Q2		Vol. 112, pp. 186–199	2017
5.	Nghiên cứu ứng xử cơ học của ống nano phốt pho alpha	3	x	Tuyển tập công trình khoa học Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ X Tập 3. Cơ học Vật rắn. Quyển 2	Hội nghị trong nước		pp. 1305-1310	2017
6.	Atomistic Simulation of Boron Nitride Nanotubes Under Bending	3	x	Proceedings of the International Conference on Advances in Computational Mechanics 2017 Online ISBN: 978-981-10-7149-2 https://doi.org/10.1007/978-981-10-7149-2_12	Scopus Q4		pp. 171-179	2017
7.	Compressive buckling of black phosphorene nanotubes: an atomistic study	2	x	Materials Research Express ISSN: 2053-1591 DOI 10.1088/2053-1591/aaba53	ISI IF: 1.81 Q2		Vol. 5, pp. 045024	2018
8.	Mode-I stress intensity factors of silicene, AlN, and SiC hexagonal sheets	3		Materials Research Express ISSN: 2053-1591 DOI 10.1088/2053-1591/aac807	ISI IF: 1.813 Q2		Vol. 5, pp. 065025	2018
9.	Atomistic simulation of the uniaxial tension of black phosphorene nanotubes	3	x	Vietnam Journal of Mechanics ISSN: 0866-7136 https://doi.org/10.15625/0866-7136/10751	Tạp chí trong nước	7	Vol. 40, No. 2, pp. 163–169	2018

10.	Atomistic simulation of the uniaxial compression of black phosphorene nanotubes	2	x	Vietnam Journal of Mechanics ISSN: 0866-7136 https://doi.org/10.15625/0866-7136/10982	Tạp chí trong nước	6	Vol. 40, No. 3, pp. 243 – 250	2018
11.	Ứng xử cơ học của ống nano phốt pho đen chịu nén dọc trục	3	x	Tuyển tập các công trình khoa học Hội nghị Khoa học toàn quốc Cơ học Vật rắn lần thứ XIV 19-20/7/2018, Trường Đại học Trần Đại Nghĩa, TP Hồ Chí Minh	Hội nghị trong nước		pp. 744-749	2018
12.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tốc độ sạc trong kết cấu silic bọc trụ đồng kích cỡ nano mét dùng làm cực âm ắc quy ion lithium	3		Tuyển tập các công trình khoa học Hội nghị Khoa học toàn quốc Cơ học Vật rắn lần thứ XIV 19-20/7/2018, Trường Đại học Trần Đại Nghĩa, TP Hồ Chí Minh	Hội nghị trong nước		pp. 758-764	2018
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
13.	Bending of boron nitride nanotubes: An atomistic study	3	x	Mechanics of Advanced Materials and Structures eISSN: 1537-6494 https://doi.org/10.1080/15376494.2018.1432801	ISI, IF: 3.6 Q1	5	Vol. 26, No. 16, pp. 1357–1364	2019
14.	Finite Element Analysis of the Lithium Diffusion in the Silicon Copper Nano-pillar	3	x	Advances in Engineering Research and Application, Lecture Notes in Networks and Systems Online ISBN: 978-3-030-37497-6 https://doi.org/10.1007/978-3-030-37497-6_43	Scopus Q4	1	Vol 104, pp. 366-372	2020

15.	Effects of the Tube Diameter on the Mechanical Properties of Black Phosphorene Nanotubes	3	x	Advances in Engineering Research and Application, Lecture Notes in Networks and Systems Online ISBN: 978-3-030-37497-6 https://doi.org/10.1007/978-3-030-37497-6_34	Scopus Q4	Vol 104, pp. 296-302	2020
16.	A study on optimization of walking beam eight-bar transport mechanisms using simulated annealing algorithm	2	x	International Journal of Mechanical Engineering and Technology ISSN Online: 0976-6359 https://www.doi.org/10.34218/IJMET.12.6.2021.001	Tạp chí quốc tế khác	Vol.12, Issue 6, pp. 1-7.	2021
17.	Mô phỏng kéo màng vật liệu hai chiều đa nguyên tử cấu trúc nếp gấp	4		Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải ISSN: 1859-2724 eISSN: 2615-9554 https://doi.org/10.47869/tcsj.73.5.6	Tạp chí trong nước	Tập 73, số 5, pp. 514-526	2022
18.	Effect of Process Parameters on Material Removal Speed in CBN Grinding Al6061 T6	7	x	Advances in Engineering Research and Application, Lecture Notes in Networks and Systems Online ISBN: 978-3-031-22200-9 https://doi.org/10.1007/978-3-031-22200-9_52	Scopus Q4	Vol 602, pp. 462–467	2023
19.	Influence of Input Process Factors on Surface Roughness in CBN Grinding Al6061 T6	7	x	Advances in Engineering Research and Application, Lecture Notes in Networks and Systems Online ISBN: 978-3-031-22200-9 https://doi.org/10.1007/978-3-031-22200-9_66	Scopus Q4	Vol 602, pp. 607–612	2023

20.	Determining Best Input Parameters for CBN Grinding Al6106 T6 Using WASPAS Method	6	x	Advances in Engineering Research and Application, Lecture Notes in Networks and Systems Online ISBN: 978-3-031-22200-9 https://doi.org/10.1007/978-3-031-22200-9_40	Scopus Q4	8	Vol 602, pp. 369–375	2023
21.	Optimization of Main Design Parameters for a Two-Stage Helical Gearbox Based on Gearbox Volume Function	5		Advances in Engineering Research and Application, Lecture Notes in Networks and Systems Online ISBN: 978-3-031-22200-9 https://doi.org/10.1007/978-3-031-22200-9_81	Scopus Q4	6	Vol 602, pp. 771–779	2023
22.	Influence of Input Factors on Surface Roughness and Material Removal Speed when Wire-EDM a Hardened SKD11 Steel Curve Profile	2	x	Journal of Environmental Science and Engineering B ISSN: 2162-5263 doi:10.17265/2162-5263/2023.05.002	Tạp chí quốc tế khác		Vol. 12, pp. 220-229	2023
23.	Application of SAW Method for Finding Best Input Factors for CBN Grinding Al6061 T6	7	x	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự ISSN:1859-1043 https://doi.org/10.54939/1859-1043.j.mst.FEE.2023.204-208	Tạp chí trong nước		Số FEE2023, pp. 204-208	2023

24.	Application of TOPSIS Method for Determination of the Best Dressing Parameters in Internal Cylindrical Grinding	3	x	European Journal of Applied Sciences (EJAS) ISSN Online: 2634-9221 https://doi.org/10.14738/aivp.116.16108	Tạp chí quốc tế khác	Vol. 11, No.6 , pp. 388-394	2023
25.	Multi-objective Optimization of a Two-Stage Helical Gearbox with Second Stage Double Gear Sets to Reduce Gearbox Length and Increase Gearbox Efficiency	6		Advances in Engineering Research and Application, Lecture Notes in Networks and Systems Online ISBN: 978-3-031-62235-9 https://doi.org/10.1007/978-3-031-62235-9_22	Scopus Q4	Vol 944, pp. 229–244	2024
26.	Multi-objective Optimization of a Two-Stage Bevel Helical Gearbox to Increase Efficiency and Reduce Gearbox Across Section Area	6	x	Advances in Engineering Research and Application, Lecture Notes in Networks and Systems Online ISBN: 978-3-031-62235-9 https://doi.org/10.1007/978-3-031-62235-9_17	Scopus Q4	Vol 944, pp. 141–158	2024

27.	Calculation of Optimal Gear Ratios for a Three-step Helical Gearbox for Getting Minimal Gearbox Cost	6	x	Advances in Engineering Research and Application, Lecture Notes in Networks and Systems Online ISBN: 978-3-031-62238-0 https://doi.org/10.1007/978-3-031-62238-0_30	Scopus Q4		Vol 943, pp. 262–273	2024
28.	A Study on Multi-objective Optimization of a Two-Stage Helical Gearbox	6	x	Advances in Engineering Research and Application, Lecture Notes in Networks and Systems Online ISBN: 978-3-031-62238-0 https://doi.org/10.1007/978-3-031-62238-0_45	Scopus Q4		Vol 943, pp. 418–434	2024
29.	Solving a Multi-Objective Optimization Problem of a Two-Stage Helical Gearbox with Second-Stage Double Gear Sets Using the MAIRCA Method	6	x	Applied Sciences eISSN: 2076-3417 https://doi.org/10.3390/app14125274	ISI IF: 2.5 Q2		Vol. 14, pp. 5274	2024
30.	Using MOORA Method for Finding Best Dressing Parameters for Surface	3		European Journal of Applied Sciences (EJAS) ISSN Online: 2634-9221 https://doi.org/10.14738/aivp.126.17894	Tạp chí quốc tế khác		Vol. 12, No. 6, pp. 169-176	2024

	Grinding Hardox 500						
31.	Determination of Best Input Parameters for Internal Grinding SKD11 Tool Steel using MCDM	5		Engineering, Technology & Applied Science Research eISSN: 1792-8036 https://doi.org/10.48084/etasr.9505	Scopus Q2	1	Vol. 15, No. 1, pp. 20190- 20196 2025
32.	Multi-objective optimization of a two-stage helical gearbox with double gears in second stage using saw technique to reduce bottom area and enhance efficiency	5		Eastern-European Journal of Enterprise Technologies eISSN: 1729-4061 https://doi.org/10.15587/1729-4061.2025.322992	Scopus Q3		Vol. 1, No. 133, pp. 72– 80 2025
33.	Determining mechanical properties of two-dimensional materials 1T-ScX ₂	2	x	Engineering, Technology & Applied Science Research eISSN: 1792-8036 https://doi.org/10.48084/etasr.10224	Scopus Q2		Vol. 15, No. 3, pp. 22678- 22683 2025

34.	Ứng dụng phương pháp SAW để giải bài toán tối ưu đa mục tiêu cho HGT bánh răng trụ hai cấp nhằm nâng cao hiệu suất và giảm chiều dài	3	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam ISSN: 2615-9910 (0866-7056)	Tạp chí trong nước	Số 327, pp. 442-451	2025
35.	Atomistic simulation of two-dimensional 1T-MnX ₂ sheets under uniaxial tension	4	x	Edelweiss Applied Science and Technology eISSN: 2576-8484 https://doi.org/10.55214/25768484.v9i4.6261	Scopus Q3	Vol. 9, No. 4, pp. 1332-1342	2025
36.	Natural-frequency Analysis of Two-Roof Steel Frames via the Finite Element Method	4	x	WSEAS Transactions on Applied and Theoretical Mechanics eISSN: 2224-3429 DOI:10.37394/232011.2025.20.5 https://wseas.com/journals/articles.php?id=10574	Scopus Q3	Vol. 20, pp. 41-47	2025
37.	Optimization of NURBS Parameters for Computing Kinematic Characteristics of Cam Oscillating Roller Follower	2	x	Engineering, Technology & Applied Science Research eISSN: 1792-8036 https://doi.org/10.48084/etasr.10621	Scopus Q2	Vol. 15, No. 3, pp. 23211-23216	2025

38.	Optimization of a Two-stage Helical Gearbox with Second Stage Double Gear Sets to Reduce Gearbox Mass and Increase Gearbox Efficiency	5	x	WSEAS Transactions on Applied and Theoretical Mechanics eISSN: 2224-3429 DOI: 10.37394/232011.2023.18.27 https://wseas.com/journals/articles.php?id=8836	Scopus Q3	Vol. 18, pp. 287-298	2023
-----	---	---	---	---	-----------	----------------------	------

- Trong đó:

Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS là 07 bài theo thứ tự [13], [29], [33], [35], [36], [37], [38]. Ngoài ra, UV còn có 08 bài báo là tác giả chính của hội nghị quốc tế thuộc danh mục Scopus theo số thứ tự [14], [15], [18], [19], [20], [26], [27], [28].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
3							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
3					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
3					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

2						
3						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Bài báo quốc tế uy tín STT [38].

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 03 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Trang